TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Số: 23/2022/QĐST- DS	*QV, ngày 28 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐN (SB)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198 TQK, phường LTT, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Seabank.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thị H, chức vụ: Phó giám đốc khối xử lý nợ - Ngân hàng TMCP ĐN (theo văn bản ủy quyền số 604/2021/UQ- Sb ngày 27/5/2021).

Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn G – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Khối xử lý nợ - Ngân hàng TMCP ĐN.

- ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Thôn TH, xã VT, huyện QV, tỉnh BN

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐN số Nợ gốc: 289.129.013đ; Lãi trong hạn: 84.888.834đ; Lãi quá hạn: 42.933.243đ.

Tổng số tiền mà ông T và bà T2 phải thanh toán trả phía Ngân hàng TMCP ĐN tạm tính đến ngày 19/7/2022 là **416.951.090đ đồng** *(Bốn trăm mười sáu triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn không trăm chín mươi đồng).*

Kể từ ngày 20/7/2022, ông T, bà T2 còn phải chịu lãi suất đối với số tiền nợ cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần (áp dụng đối với trường hợp khoản vay chi giải ngân một lần) số REF1933100456/HDTD/BNJ – NVT ngày 28/11/2019 được ký giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐN và bên vay là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự nơi có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất khác tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn TH, xã VT, huyện QV, tỉnh BN, diện tích 250m^2, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 234575, số vào sổ cấp GCN:CH00376/QĐ1188 do UBND huyện QV, tỉnh BN cấp ngày 14/6/2016; Đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thiêng ngày 23/10/2019 tại Chi nhánh văn phòng đăng lý đất đai huyện QV, tỉnh BN.

Loại tài sản: Nhà ở; Địa chỉ: Thôn TH, xã VT, huyện QV, tỉnh BN; Diện tích xây dựng 70m^2; diện tích sàn 70m^2; kết cấu bê tông, cốt thép, số tầng: 1; Năm hoàn thành xây dựng: 2005.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF1933100456/HDTC/BNJ-NVT ngày 28/11/2019, giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP ĐN; Số công chứng: 5457/2019/HĐTC, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Bắc,, tỉnh BN chứng nhận ngày 28/11/2019. (Toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp và tài sản phát sinh gắn liền với quyền sử dụng đất hiện tại đều để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng).

Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp đối với tài sản thế chấp khi ông T, bà T2 thanh toán hết nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán tiền nợ với ngân hàng, ông T, bà T2 vẫn phải có trách nhiệm trả nợ các khoản nợ còn lại với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Xác nhận Ngân hàng TMCP ĐN đã nộp tạm ứng 8.000.000đ tiền chi phí tố tụng. Ông T, bà T2 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 8.000.000đ này cho Ngân hàng TMCP ĐN.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T2.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP ĐN số tiền 10.887.000đ *(Mười triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005159 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án huyện QV, tỉnh BN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện QV;*
- *Chi cục THA huyện QV;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Liên